

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-PT

Ngày 27 - 9 - 2019

“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Anh
Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Thực
Ông Vũ Thành Long

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Cường - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/HNGĐ-PT ngày 06/8/2019 về việc: “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ - ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị Kh**, SN 1982.

HKTĐ: số 387 đường ĐB, phường QT, thành phố HY, Hưng Yên.

Nơi cư trú: số nhà 64 đường AD, phường YP, quận BD, Hà Nội.

* *Bị đơn*: Anh **Trần Mạnh C**, SN 1979.

Nơi cư trú: số 387 đường ĐB, phường QT, thành phố HY, Hưng Yên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu **Trần Thị Hà V**, SN 04/10/2004.

- Cháu **Trần Hà Ch**, SN 08/02/2007.

Người đại diện cho cháu V, cháu Ch là anh Trần Mạnh C, Phạm Thị Kh.

Đều cư trú: số 387 đường ĐB, phường QT, thành phố HY, Hưng Yên.

* *Người kháng cáo*: Anh Trần Mạnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kh trình bày:

Chị Phạm Thị Kh và anh Trần Mạnh C có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 12 năm 2003 tại UBND phường QT, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng bố mẹ chồng tại số 387 đường ĐB, phường QT, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên. Chị

Kh, Anh C chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Anh C chơi bời, nghiện ngập không quan tâm đến gia đình. Mọi việc trong gia đình chị đều phải đứng ra lo liệu, con cái ăn học thế nào Anh C cũng không quan tâm. Chị Kh nhiều lần góp ý để Anh C thay đổi nhưng Anh C không nghe, còn mắng chửi chị, có lần còn đánh chị. Do quá bức xúc trước cách cư xử của Anh C nên chị đã bỏ nhà đi và sống ly thân với Anh C từ năm 2014 đến nay, cuộc sống của ai người đó lo, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của anh, chị nhưng không lần nào gặp gỡ, trao đổi để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Đến nay, Chị Kh xác định không còn tình cảm với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007. Khi ly hôn chị tôn trọng nguyện vọng của các con nếu các con muốn ở với chị, chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng; nếu cả hai cháu đều muốn ở với Anh C chị sẽ cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.500.000đ/01 tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu. Trong trường hợp chị và Anh C mỗi người nuôi một cháu thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu Hà Ch, còn cháu Hà V giao cho Anh C nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn anh Trần Mạnh C trình bày:** nhất trí như nguyên đơn về việc đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, trong quá trình lấy lời khai anh Trần Mạnh C trình bày không thống nhất, có sự thay đổi, cụ thể như sau:

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019, thể hiện: Anh C, Chị Kh sống hạnh phúc được khoảng mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái. Mỗi khi có việc gì đó, Chị Kh không bao giờ chấp nhận ý kiến của anh, một mực làm theo ý mình. Bản thân anh cũng thừa nhận có những hành động, việc làm không đúng mực với Chị Kh nhưng anh đã nói chuyện để Chị Kh hiểu và thông cảm cho anh nhưng Chị Kh không nghe. Ngày 22/3/2014, Chị Kh tự ý bỏ nhà đi, không nói chuyện gì với ai trong gia đình, để lại hai cháu nhỏ cho anh chăm sóc. Anh đã liên hệ với gia đình nội ngoại, bạn bè để tìm và khuyên chị về để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nuôi dạy con cái nhưng không được. Từ khi Chị Kh bỏ đi, chị không quan tâm gì đến anh và các con. Từ ngày Chị Kh đi đến nay đã được 05 năm nên anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với Chị Kh nên anh đồng ý ly hôn với Chị Kh và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007. Do Chị Kh không có trách nhiệm với gia đình nên khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cả hai cháu là Hà V và Hà Ch. Anh không yêu cầu Chị Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019 Anh C thay đổi quan điểm: vì cho rằng lời khai của Chị Kh tại tòa là không đúng. Anh C thừa nhận khi anh chị ở với nhau, có những thời điểm không hạnh phúc, thỉnh thoảng tranh luận, cãi nhau to tiếng chứ không thường xuyên đánh cãi chửi nhau như Chị Kh trình bày. Từ năm 2014 đến nay, anh chị sống ly thân, Chị Kh không về nhà mẹ đẻ sinh sống mà đi làm nay đây mai đó. Anh đi tìm Chị Kh nhưng không rõ Chị Kh ở đâu, chỉ biết Chị Kh đi làm ở Hà Nội. Trong thời gian anh chị sống ly thân thì không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người ấy lo. Anh không đồng ý ly hôn với Chị Kh vì nghĩ cho các con. (*Tại Biên bản hòa giải ngày 08/3/2019, Anh C trình bày:* Anh có đánh Chị Kh nhưng chỉ là cảnh cáo, không có ác ý gì với Chị Kh. Năm 2016 chỉ 01 lần đi tìm Chị Kh, từ đó đến nay không gặp lần nào, anh không tìm gặp do Chị Kh chặn mọi số điện thoại không liên lạc được).

Về con chung: nếu Chị Kh cương quyết ly hôn, anh sẽ giao cả hai cháu cho Chị Kh nuôi dưỡng, giáo dục và sẽ cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, tổng cộng 3.000.000 đồng/2 cháu/01 tháng.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Cháu Trần Thị Hà V: Có chứng kiến sự việc bố, mẹ cãi nhau, có lần còn thấy bố đánh mẹ. Mấy năm gần đây mẹ không ở cùng bố nữa nhưng vẫn về thăm hai chị em và lo cho chị em ăn học. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng đề nghị Tòa án không chia tách chị em. Nếu mẹ bận hai chị em cháu ở với bố, nếu bố bận hai chị em cháu ở với mẹ. Hai chị em cháu ở từ nhỏ với nhau nên không muốn xa nhau.

Cháu Trần Hà Ch: khi bố mẹ còn chung sống với nhau, bố mẹ đều yêu thương hai chị em cháu. Do mẹ giận bố nên mẹ đi chỗ khác ở, không ở cùng bố con cháu nữa nhưng vẫn quan tâm đến 02 chị em cháu. Mẹ vẫn về thăm hai chị em, chúng cháu cần gì mẹ cũng chu cấp. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng đề nghị Tòa án không chia tách chị em cháu. Nếu mẹ bận hai chị em cháu ở với bố, nếu bố bận hai chị em cháu ở với mẹ.

Ông Trần Đức B bố đẻ của anh Trần Mạnh C cung cấp: Anh C, Chị Kh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn khi gia đình phát hiện Anh C nghiện ma túy vào năm 2012. Thời gian đó Anh C chơi với bạn bè xấu bên ngoài nên bị rủ rê vào con đường nghiện ngập, gia đình khuyên nhủ nhiều nhưng Anh C chưa cai nghiện được, do vậy anh C, Chị Kh thường xuyên xảy ra tranh cãi, đôi co, có lần đánh nhau. Đến năm 2014, Chị Kh xin phép gia đình lên Hà Nội làm ăn và không về nữa. Anh C, Chị Kh sống ly thân từ đó cho đến nay. Thỉnh thoảng Chị Kh có về nhà thăm con và hàng tháng vẫn chu cấp cho các con đầy đủ. Nay Chị Kh có đơn xin ly hôn với anh C, ông có quan điểm: nếu Chị Kh không còn tình cảm vợ chồng với Anh C thì đề nghị Tòa cho Chị Kh và Anh C được ly hôn với nhau để sớm ổn định cuộc sống và có cơ hội mới cho mỗi người.

Về con chung: Anh C và Chị Kh có hai người con chung là cháu Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007.

Về tài sản: Chị Kh và Anh C không có tài sản chung, không nợ nần gia đình ông.

Bà Lê Thị Kh1 mẹ đẻ của Chị Kh cung cấp: Chị Kh và Anh C có nhiều mâu thuẫn phát sinh trong thời gian chung sống, nguyên nhân chính là do Anh C mãi chơi, không chịu làm ăn, nghiện ma túy. Anh C thường xuyên đánh chửi

Chị Kh, mỗi khi Chị Kh đi làm nhưng không đưa tiền cho anh C; nhiều lần Chị Kh về nhà bà, Anh C còn tìm đến đánh; Anh C còn cấm xe lấy tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân, có lần lấy cả xe đạp của con đi cấm lấy tiền. Việc xô xát, cãi vã và Anh C đánh chửi Chị Kh diễn ra thường xuyên, do chán nản nên Chị Kh về nhà bà sinh sống từ năm 2014 cho đến nay. Anh C có vài lần đến tìm nhưng Chị Kh không có nhà vì Chị Kh còn đi làm kiếm tiền nuôi 02 con, khi Anh C đến tìm Chị Kh chỉ hỏi hàng xóm cạnh nhà bà chứ không nói gì với gia đình bà. Bà Kh1 có quan điểm: Chị Kh và Anh C không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của Chị Kh, để anh, chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh C và Chị Kh có 02 con chung là cháu Hà Ch và cháu Hà V, không có con riêng, con nuôi nào khác, khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của Chị Kh.

Về tài sản chung, công nợ: theo bà được biết Chị Kh và Anh C không có tài sản chung, không nợ nần gì bà.

Chính quyền khu phố Điện Biên, phường QT cung cấp: Chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn của Anh C và Chị Kh. Anh C là người nghiện ma túy, khoảng 05 năm trở lại đây Chị Kh bỏ nhà đi không sống cùng anh C. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Anh Nguyễn Thành Ch trình bày: anh là cháu của chị Phạm Thị Kh, cách đây khoảng gần 05 năm anh trực tiếp chứng kiến và can ngăn Anh C đánh Chị Kh tại nhà Chị Kh, có lần vào lúc gần 11 giờ đêm. Lý do mâu thuẫn theo anh được biết là vì Anh C xin tiền Chị Kh để tiêu xài nhưng Chị Kh không cho. Anh C là người nghiện ma túy.

Tại bản án số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 12/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố HY đã quyết định:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kh, cho chị Phạm Thị Kh được ly hôn với anh Trần Mạnh C.

2. Về con chung: Chị Kh và Anh C có hai con chung là cháu Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007, không có con riêng, con nuôi. Giao cả hai cháu là cháu Hà V và cháu Hà Ch cho chị Phạm Thị Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Hàng tháng Anh C phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/01tháng/01cháu, hai cháu là 3.000.000đ/01tháng/02 cháu cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trần Mạnh C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cùng chị Phạm Thị Kh. Chị Kh và gia đình không ai được cản trở Anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Kh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Đối chiếu với Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000289 ngày 15

tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, Khuy đã nộp đủ tiền án phí. Anh Trần Mạnh C phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Ngày 26/6/2019, anh Trần Mạnh C kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên về việc Tòa án giao 2 cháu V, Ch cho Chị Kh nuôi dưỡng là chưa xem xét kỹ lưỡng vì Chị Kh không có chỗ ở ổn định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Chị Kh nhất trí để Anh C tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007. Chị Kh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/01tháng/01cháu, hai cháu là 3.000.000đ/01tháng/02 cháu. Anh C không được cản trở Chị Kh trong việc thăm nom, chăm sóc con và được đón con trong những ngày lễ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 12/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên theo hướng: Công nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị Kh và anh Trần Mạnh C như sau: Anh C tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007. Chị Kh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/01tháng/01cháu, hai cháu là 3.000.000đ/01tháng/02 cháu. Anh C không được cản trở Chị Kh trong việc thăm nom, chăm sóc con và được đón con trong những ngày lễ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, đã nộp tiền tạm ứng án phí, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng, đảm bảo về tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân:

Anh C, Chị Kh kết hôn hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2003 tại UBND phường QT, Tp HY theo quy định. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn về quan điểm, kinh tế nên thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Từ năm 2014, Chị Kh đã không chung sống cùng Anh C cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án nhân dân thành phố HY cho Chị Kh được ly hôn Anh C là có căn cứ, đúng pháp luật. Anh chị không kháng cáo nội dung này nên HĐXX không xem xét.

[2.2]. Con chung chung:

Anh C, Chị Kh có 2 con chung là các cháu: Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007. Cháu V 15 tuổi, cháu Ch 12 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, điều kiện kinh tế thực tế; sự quan tâm, chăm sóc các con của Chị Kh, nguyện vọng của 2 cháu Hà V, Hà Ch. Tòa án thành phố Hưng Yên xem xét mọi mặt để tạo thuận lợi nhất cho sinh hoạt, phát triển tự nhiên, học hành của 2 cháu nên đã giao 2 cháu cho Chị Kh chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành buộc Anh C phải cấp dưỡng nuôi con là hợp lý.

[2.3] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn, anh Trần Mạnh C:

Anh C kháng cáo xin được nuôi hai con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, hai anh chị đã thỏa thuận được với nhau về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, Chị Kh nhất trí để Anh C tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007. Chị Kh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/01tháng/01cháu, hai cháu là 3.000.000đ/01tháng/02 cháu. Chị Kh đề nghị Anh C không được cản trở Chị Kh trong việc thăm nom, chăm sóc con và được đón con trong những ngày lễ. Anh C nhất trí.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, và không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi cho các con, vì vậy được HĐXX chấp nhận.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thỏa thuận của anh Trần Mạnh C và chị Phạm Thị Kh, sửa bản án sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 12/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên về con chung như sau.

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kh. Cho chị Phạm Thị Kh được ly hôn với anh Trần Mạnh C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Trần Mạnh C và chị Phạm Thị Kh như sau: Anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung là cháu Trần Thị Hà V, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Hà Ch, sinh ngày 08/02/2007. Hàng tháng Chị Kh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là

1.500.000đ/01tháng/01cháu, hai cháu là 3.000.000đ/01tháng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Kh được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Anh C và gia đình không ai được cản trở Chị Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và đón con trong những ngày nghỉ lễ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Anh C có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, Chị Kh không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng phải chịu lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Mạnh C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0000408, ngày 26/6/2019 của Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên, Anh C đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Chị Phạm Thị Kh phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm và 300.000đ tiền cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0000289, ngày 15/02/2019 của Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên, Chị Kh còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- TAND Tp Hưng Yên;
- Chi cục THADS Tp Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh